

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN
XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN
TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU**



MỤC LỤC

	<u>Trang</u>
1. MỤC LỤC	1
2. BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC	2 - 4
3. BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	5
4. BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
4.1 Bảng cân đối kế toán hợp nhất	6 - 9
4.2 Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	10
4.3 Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	11 - 12
4.4 Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất	13 - 35

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Chế biến Xuất Nhập khẩu Thủy sản Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu ("Công ty mẹ") trình bày báo cáo của mình cùng với báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty mẹ và công ty con (Công ty mẹ và công con được gọi chung là "Công ty") cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 đã được kiểm toán.

KHÁI QUÁT VỀ CÔNG TY

Công ty Cổ phần Chế biến Xuất Nhập khẩu Thủy sản Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu là doanh nghiệp được cổ phần hóa từ doanh nghiệp nhà nước Công ty Chế biến Xuất Nhập khẩu Thủy sản Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu theo Quyết định số 2311/QĐ-UB ngày 07/05/2004 của Ủy ban nhân dân Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. Công ty mẹ hoạt động theo chứng nhận đăng ký kinh doanh do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp như sau:

Chứng nhận đăng ký kinh doanh	Số giấy chứng nhận	Ngày cấp	Vốn điều lệ (VND)
Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đăng ký lần đầu	4903000114	20/08/2004	16.147.000.000
Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đăng ký thay đổi lần thứ 1	4903000114	05/06/2006	21.147.000.000
Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đăng ký thay đổi lần thứ 2	4903000321	24/08/2006	21.147.000.000
Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đăng ký thay đổi lần thứ 3	4903000114	31/05/2007	32.000.000.000
Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế đăng ký thay đổi lần thứ 4	3500666675	07/09/2009	40.000.000.000
Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đăng ký thay đổi lần thứ 5	3500666675	29/05/2012	40.000.000.000
Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đăng ký thay đổi lần thứ 6	3500666675	06/06/2012	48.000.000.000
Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đăng ký thay đổi lần thứ 7	3500666675	27/09/2012	48.000.000.000
Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đăng ký thay đổi lần thứ 8	3500666675	31/05/2013	48.000.000.000
Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đăng ký thay đổi lần thứ 9	3500666675	21/10/2014	48.000.000.000
Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đăng ký thay đổi lần thứ 10	3500666675	12/06/2015	48.000.000.000
Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đăng ký thay đổi lần thứ 11	3500666675	21/09/2016	48.000.000.000

Trụ sở chính của Công ty mẹ đặt tại 02 Trưng Trắc, Phường 1, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Điện thoại : 0254.3837313 Fax : 0254.3837312

Website : <http://www.baseafood.vn>

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty bao gồm: Chế biến và đóng hộp thủy sản; Chế biến và bảo quản thủy sản đông lạnh; Chế biến và bảo quản thủy sản khô.

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH VÀ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Tình hình tài chính hợp nhất tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2018, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc cùng ngày được trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm báo cáo này (từ trang 6 đến trang 35).

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU

02 Trưng Trắc, TP. Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)**HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN GIÁM ĐỐC**

Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này gồm:

	<u>Chức vụ</u>	<u>Ngày bổ nhiệm</u>	<u>Ngày miễn nhiệm</u>
Hội đồng quản trị			
Ông Trần Văn Dũng	Chủ tịch	25/04/2015	
Ông Huỳnh Minh Tường	Phó Chủ tịch	25/04/2015	
Ông Nguyễn Công Huyền	Ủy viên	25/04/2015	
Ông Ngô Viết Hoài	Ủy viên	25/04/2015	
Ông Lê Minh Châu	Ủy viên	25/04/2015	
Ông Phạm Xuân Hải	Ủy viên	25/04/2015	
Bà Phạm Thị Sung	Ủy viên	25/04/2015	
Ban kiểm soát			
Ông Nguyễn Anh Tuấn	Trưởng ban	25/04/2015	
Bà Bùi Thị Hạnh Dung	Ủy viên	25/04/2015	
Bà Trần Thị Kim Phụng	Ủy viên	25/04/2015	
Ban Giám đốc và Kế toán trưởng			
Ông Trần Văn Dũng	Tổng Giám đốc	25/04/2015	
Ông Huỳnh Minh Tường	Phó Tổng Giám đốc	25/04/2015	
Ông Nguyễn Công Huyền	Phó Tổng Giám đốc	25/04/2015	
Ông Ngô Viết Hoài	Phó Tổng Giám đốc	25/04/2015	
Ông Ngô Sâm	Phó Tổng Giám đốc	25/04/2015	
Bà Phạm Thị Nhung	Kế toán trưởng	25/04/2015	

Người đại diện theo pháp luật của Công ty là Chủ tịch Hội đồng quản trị.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Kiểm toán FAC đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018, FAC bày tỏ nguyện vọng tiếp tục được chỉ định là kiểm toán viên độc lập của Công ty.

TRÁCH NHIỆM CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc chịu trách nhiệm lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty trong từng năm tài chính. Trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính này, Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc cần phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các đánh giá và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các Chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những Chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính;
- Lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất hợp lý nhằm hạn chế rủi ro sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU

02 Trưng Trắc, TP. Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tại bất kỳ thời điểm nào, với mức độ chính xác hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Công ty và báo cáo tài chính hợp nhất được lập tuân thủ các Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành. Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

PHÊ DUYỆT BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Chúng tôi, Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc phê duyệt báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo. Báo cáo tài chính hợp nhất này phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán và Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc



Trần Văn Dũng

Chủ tịch Hội đồng quản trị

Bà Rịa - Vũng Tàu, ngày 20 tháng 3 năm 2019

QUẢN
TRỊ
H
G
I
A
N

Số: 015/2019/BCTC-FACNT

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi :

Các cổ đông, Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc

Công ty Cổ phần Chế biến Xuất Nhập khẩu Thủy sản Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Chế biến Xuất Nhập khẩu Thủy sản Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu ("Công ty mẹ") và công ty con (Công ty mẹ và công ty con sau đây được gọi chung là "Công ty"), được lập ngày 20 tháng 3 năm 2019, từ trang 6 đến trang 35, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc

Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của chúng tôi, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, chúng tôi đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính hợp nhất của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN FAC



Nguyễn Thịnh

Phó Tổng Giám đốc

Giấy CNDKHN kiểm toán số: 0473-2018-099-1

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 3 năm 2019



Nguyễn Gia Thành

Kiểm toán viên

Giấy CNDKHN kiểm toán số: 4123-2017-099-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2018	01/01/2018
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		297.542.348.738	228.908.265.693
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V. 1	18.439.089.850	17.446.406.224
1. Tiền	111		18.439.089.850	17.446.406.224
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		23.000.000.000	25.500.000.000
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V. 2	23.000.000.000	25.500.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		73.965.758.538	77.775.301.454
1. Phải thu khách hàng	131	V. 3	65.981.573.325	76.342.003.233
2. Trả trước cho người bán	132	V. 4	9.253.652.725	2.817.084.363
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	V. 5	1.015.000.000	1.271.711.483
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V. 6	4.901.532.090	4.497.206.128
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V. 7	(7.185.999.602)	(7.152.703.753)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140	V. 8	172.241.174.604	97.307.712.465
1. Hàng tồn kho	141		172.962.085.736	97.903.378.783
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(720.911.132)	(595.666.318)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		9.896.325.746	10.878.845.550
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V. 9	55.364.607	1.329.203.536
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152	V. 10	9.288.923.521	8.974.637.037
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V. 11	552.037.618	575.004.977
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN XUẤT NHẬP KHẨU
THUYỀN SẢN TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU
 02 Trưng Trắc, TP. Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018
Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

Mẫu B01-DN/HN

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2018	01/01/2018
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		59.626.742.587	61.985.418.297
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216		-	-
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		42.538.326.080	47.796.933.026
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V. 12	42.538.326.080	47.796.933.026
<i>Nguyên giá</i>	222		86.680.006.496	84.620.319.769
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(44.141.680.416)	(36.823.386.743)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227		-	-
<i>Nguyên giá</i>	228		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		-	-
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
<i>Nguyên giá</i>	241		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	242		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		4.138.630.934	2.995.684.999
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V. 13	4.138.630.934	2.995.684.999
V. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		3.128.909.020	541.790.250
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	-
3. Đầu tư dài hạn khác	253	V. 14	173.060.800	173.060.800
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	V. 14	(144.151.780)	(131.270.550)
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255	V. 2	3.100.000.000	500.000.000
VI. Tài sản dài hạn khác	260		9.820.876.553	10.651.010.022
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V. 15	9.763.655.124	10.566.902.879
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262	VI. 9	57.221.429	84.107.143
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
5. Lợi thế thương mại	269		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		357.169.091.325	290.893.683.990

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN XUẤT NHẬP KHẨU
THỦY SẢN TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU
 02 Trưng Trắc, TP. Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018
Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

Mẫu B01-DN/HN

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2018	01/01/2018
A - NỢ PHẢI TRẢ	300		283.514.996.289	217.109.374.115
I. Nợ ngắn hạn	310		275.845.415.195	204.463.376.199
1. Phải trả người bán	311	V. 16	89.679.416.580	52.867.819.611
2. Người mua trả tiền trước	312	V. 17	6.186.610.957	5.114.887.190
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V. 18	1.639.184.309	303.268.260
4. Phải trả người lao động	314		7.483.104.060	9.702.195.368
5. Chi phí phải trả	315	V. 19	2.431.963.173	1.556.401.337
6. Phải trả nội bộ	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V. 20	23.437.745.246	5.589.037.176
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V. 21	140.117.632.849	124.371.647.775
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V. 22	4.869.758.021	4.958.119.482
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		7.669.581.094	12.645.997.916
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337		-	-
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V. 23	6.787.284.385	11.358.134.385
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341	VI. 9	406.464.300	475.732.950
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		475.832.409	812.130.581

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN XUẤT NHẬP KHẨU
THỦY SẢN TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU**
02 Trung Trắc, TP. Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018
Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

Mẫu B01-DN/HN

B - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		73.654.095.036	73.784.309.875
I. Vốn chủ sở hữu	410		73.654.095.036	73.784.309.875
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	V. 24	48.000.000.000	48.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		48.000.000.000	48.000.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418	V. 24	11.059.641.800	10.519.129.746
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	V. 24	12.405.714.355	12.982.480.918
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		4.926.503.230	1.560.122.341
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		7.479.211.125	11.422.358.577
11. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
12. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429	V. 24	2.188.738.881	2.282.699.211
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		357.169.091.325	290.893.683.990

Bà Rịa - Vũng Tàu, ngày 20 tháng 3 năm 2019



Phạm Thị Nhung
Kế toán trưởng
Người lập



Trần Văn Dũng
Chủ tịch Hội đồng quản trị

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2018	Năm 2017
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI. 1	873.104.572.649	888.443.927.155
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI. 1	5.482.345.467	2.569.661.907
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI. 1	867.622.227.182	885.874.265.248
4. Giá vốn hàng bán	11	VI. 2	802.682.784.300	819.011.283.481
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		64.939.442.882	66.862.981.767
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI. 3	5.154.937.418	4.622.330.555
7. Chi phí tài chính	22	VI. 4	9.341.341.330	5.367.164.723
Trong đó: chi phí lãi vay	23		5.086.786.166	3.677.869.391
8. Phần lãi/lỗ trong công ty liên kết, liên doanh	24		-	-
9. Chi phí bán hàng	25	VI. 5	39.431.294.858	41.374.401.529
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI. 6	11.271.038.328	16.646.363.412
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		10.050.705.784	8.097.382.658
12. Thu nhập khác	31	VI. 7	23.807.942	6.982.439.666
13. Chi phí khác	32		15.003.118	2.024.733
14. Lợi nhuận khác	40		8.804.824	6.980.414.933
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		10.059.510.608	15.077.797.591
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI. 8	2.442.424.514	3.371.144.431
17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	VI. 9	(42.382.936)	1.595.372
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		7.659.469.030	11.705.057.788
19. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty mẹ	61		7.479.211.125	11.422.358.577
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		180.257.905	282.699.211
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI. 10	1.247	1.726

Bà Rịa - Vũng Tàu, ngày 20 tháng 3 năm 2019



Phạm Thị Nhung
Kế toán trưởng
Người lập



Trần Văn Dũng
Chủ tịch Hội đồng quản trị

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2018	Năm 2017
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		10.059.510.608	15.077.797.591
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định và lợi thế thương mại	02		7.011.995.501	5.438.689.993
- Các khoản dự phòng	03		205.921.893	2.289.821.725
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		(275.218.785)	246.992.086
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(1.619.284.644)	(7.579.487.091)
- Chi phí lãi vay	06		5.086.786.166	3.677.869.391
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	(1.820.000.000)
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		20.469.710.739	17.331.683.695
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		9.774.613.598	3.338.656.974
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(75.058.706.953)	(34.459.441.743)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		55.213.318.260	10.215.789.848
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		2.077.086.684	1.048.515.844
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14		(5.087.639.872)	(3.682.757.026)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	V. 18	(1.000.000.000)	(2.718.586.566)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	V. 22	-	4.460.000
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	V. 22	(2.858.045.330)	(2.629.984.342)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		3.530.337.126	(11.551.663.316)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(11.108.561.005)	(32.458.013.034)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		-	18.911.508.623
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(15.700.000.000)	(14.500.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		15.856.711.483	13.824.545.867
5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		1.865.922.763	2.674.719.909
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(9.085.926.759)	(11.547.238.635)

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN XUẤT NHẬP KHẨU
THỦY SẢN TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU
 02 Trung Trắc, TP. Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất (tiếp theo)

Mẫu B03-DN/HN

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2018	Năm 2017
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	V. 21; 23	409.954.954.183	389.051.721.652
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	V. 21; 23	(398.504.600.324)	(353.101.154.638)
5. Tiền chi trả nợ thuế tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	V. 24	(4.902.080.600)	(8.723.499.400)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		6.548.273.259	27.227.067.614
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		992.683.626	4.128.165.663
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	IV. 1	17.446.406.224	13.318.240.561
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	IV. 1	18.439.089.850	17.446.406.224

Bà Rịa - Vũng Tàu, ngày 20 tháng 3 năm 2019



Phạm Thị Nhung
 Kế toán trưởng
 Người lập



Trần Văn Dũng
 Chủ tịch Hội đồng quản trị